

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN C
TỈNH THANH HÓA**
Số: 63/2019/QĐST-HNGĐ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

C, ngày 10 tháng 5 năm 2019

**QUYẾT ĐỊNH CÔNG NHẬN
THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

Căn cứ hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số: 61/2019/TLST-HNGĐ, ngày 10 tháng 4 năm 2019, giữa:

Nguyên đơn: Chị Lê Thị V – Sinh năm: 1985

Trú tại: Thôn 1, xã X, huyện Th, Thanh Hóa

Bị đơn: Anh Nguyễn Văn T – Sinh năm: 1984

Trú tại: Thôn S, xã Gi, huyện C, Thanh Hóa

Căn cứ vào điều 212; điều 213 và khoản 3, khoản 4 điều 147 - Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Căn cứ vào các điều 54; 55; 58 - Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

Căn cứ khoản 6 điều 19; điểm a khoản 1 điều 24; khoản 7 điều 26; điểm a khoản 5 điều 27 - Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Căn cứ vào Biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành của các đương sự ngày 02 tháng 5 năm 2019.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 02 tháng 5 năm 2019 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị Lê Thị V và anh Nguyễn Văn T.
2. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:
 - Về hôn nhân: chị Lê Thị V và anh Nguyễn Văn T thỏa thuận thuận tình ly hôn.
 - Về con chung: Vợ chồng thống nhất có 2 con chung là Nguyễn Đức A – Sinh ngày: 07/02/2006; Nguyễn Tuấn Kh – Sinh ngày: 29/7/2011. Công nhận sự thỏa thuận về nuôi con và cấp dưỡng nuôi con chung giữa chị V và

anh T như sau: Giao cháu Đức A và cháu Tuấn Kh cho anh Tu nuôi dưỡng đến tuổi trưởng thành, anh T không yêu cầu chị V cấp dưỡng nuôi con chung.

- *Về tài sản, công nợ*: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- *Về án phí*: Chị V, anh T mỗi người phải nộp 75.000đ án phí DSST. Chị V nhận nộp cả phần án phí cho anh T, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000đ theo biên lai số AA/2017/0006024, ngày 10/4/2019, tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện C, tỉnh Thanh Hóa. Trả lại cho chị Lê Thị V 150.000đ.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND huyện C;
- BTP xã X, huyện Th, T.Hóa
- TAND tỉnh Thanh hóa;
- Chi cục THADS huyện C;
- Các cơ quan hữu quan;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

Vũ Thị Dung